

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Dương Minh Đ trình bày:

Anh thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị T nói trên, anh bổ sung ý kiến:

Về hôn nhân: Do anh còn tình cảm vợ chồng nên anh không chấp nhận ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị T và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống do anh Đ cờ bạc, phá tán tài sản gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã ly thân từ 29/02/2022 đến nay, gia đình hai bên không còn hàn gắn để anh chị đoàn tụ. Điều đó cho thấy hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh Đ.

[2] Về con chung: Chị T tự nguyện giao các con chung cho anh Đ nuôi dưỡng. Xét thấy, việc chị T giao con cho anh Đ nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị T đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Dương Minh Đ được ly hôn.

[2] Về con chung: Công nhận sự tự nguyện của chị T về việc giao các con chung là Dương Minh H, sinh ngày 16/02/2010 và Dương Thị Tuyết N, sinh ngày 11/11/2017 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3] Về án phí án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 29/4/2022 chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014922 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T, anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn